



**ka** K.<sup>1</sup>

**ka ki** kaki. *mặc* ~ être en kaki.<sup>2</sup>

**ka li** kalium. ~ *huyết kaliémie* ; *brô-mua* ~ bromure de potassium ; *muối* ~ sel {de potassium / potassique} ; *phân* ~ engrais potassiques.

**ka-ra** karaoké.<sup>3</sup>

**ka-ra-ô-kê** karaoké. *hát* ~ chanter en karaoké.<sup>4</sup>

**ka-ra-te-đô** karaté-do.

**ka-ra-tê** karaté.

**ke** quai. ~ *đến* quai d'arrivée ; *xuất phát* quai de départ ; *trường* ~ (*Hà Nội xưa*) Ecole Quai Clémenceau ; *vé* ~ ticket de quai.<sup>5</sup>

**kê** quai.

**kem** ❶ crème. ~ *béo đặc* crème épaisse ; ~ *bôi ban đêm* crème de nuit ; ~ *cạo râu* crème à raser ; ~ *chống khô da* crème hydratante ; ~ *chống nếp nhăn* crème antirides ; ~ *dưỡng da* crème de soins pour la peau ; ~ *đặc* crème épaisse ; ~ *không đặc* crème inconsistante ; ~ *làm bánh* crème pâtissière ; ~ *mỹ phẩm* crème de beauté ;

~ *săn sóc da* crème de soins pour la peau ; ~ *tẩy trang* crème démaquillante ; ~ *trươi* crème fraîche ; ~ *xúc cho rọng lông* crème dépilatoire ; *bánh su* ~ chou à la crème ; *bôi* ~ *lên mặt và cổ* s'enduire le visage et le cou de crème ; *găng tay màu* ~ gant crème ; *tuýp* ~ tube de crème. ❷ glace. ~ *cà phê* glace au café ; ~ ~ *va ni* glace à la vanille ; *ly* ~ coupe de glace. <sup>6</sup>

— **chống nắng** {écran / crème [de protection]} solaire.

— **đánh dầy** mousse. ~ *sô cô la* mousse au chocolat ; ~ *cạo râu* mousse [à raser].

— **đánh giày** cirage / crème pour chaussures. ~ *không màu* cirage incolore ; ~ *trong tuýp* cirage en tube ; *thoa* ~ *lên giày* étaler du cirage sur une chaussure.

— **hạt granité** / sorbet granuleux. ~ *cà phê* granité [de / au] café.

— **lạnh bôi da** cold-cream.

— **lót** fond de teint.

— **mứt quả** plombières / glace aux fruits confits.

— **nhão pàte**. ~ *bôi da pàte* dermique ; ~ *đánh bóng pàte* à {fourbir / polir}.


— **đánh răng** [pàte] dentifrice.<sup>7</sup>

— **sáp cire**.


— **trái sorbet** / *glace aux fruits*. ~ *chanh sorbet au citron* ; ~ *xoài sorbet à la mangue*.

— **trộn mút quả** cassate.

— **tươi một mùi** parfait. ~ *cà phê* parfait au café.

**ken cò**  quelque. *đi* ~ faire quelques pipes d'opium.<sup>8</sup>

**ken cò ban**  quelques balles.<sup>9</sup>

**ken cò sôi**  quelque chose.<sup>10</sup>

**kéng** ❶ américain. *chọn một cái tên có vẻ* ~ choisir un nom à consonance américaine.  
❷ beau. *Nó ~ trai lắm* C'est un très beau garçon.<sup>11</sup>

**két** caisse. ~ *bia* caisse de bière ; *giữ* ~ tenir la caisse ; *nữ nhân viên giữ* ~ caissière.<sup>12</sup>

— **chứa** réserve. ~ *dầu* réserve à l'huile ; ~ *hơi* caisse de vapeur.

— **con** caisson.<sup>13</sup>

**két xông** cresson.

**kẹt mét**  kermesse.

**kê bắp** kebab. ăn *bánh mì* ~ *Thỏ Nhĩ Kỳ* manger du kebab turc.

**kê bi** ⇨ **kê-pi**.<sup>14</sup>

**kê-din** crésyl. *khử trùng bằng* ~ désinfecter au crésyl.

**kê môn** crémone.

**kê-pi** képi. *Cảnh sát bên Anh không đội mũ* ~ Les agents de police en Angleterre ne portent pas de képi.<sup>15</sup>

**kền** nickel.<sup>16</sup>

**kếp** crêpe. ~ *in hoa* crêpe imprimé ; *máy tạo sóng* ~ crêpeuse ; *bánh* ~ *chuối* crêpe {de bananes / à la banana / aux bananes}.<sup>17</sup>

**kếp mút** crêpe-mousse.

**kết** ⇨ **cát kết**.<sup>18</sup>

**kha líp** khalife.

**khuy-xông**  écusson.

**ki** quille. *chơi* ~ jouer aux quilles.

**ki-lô** kilo. *Cô ấy nặng 50* ~ Elle pèse cinquante kilos.

**ki-lô-am-pe** kiloampère.

**ki-lô-ca-lo** kilocalorie.

**ki-lô-gam** kilogramme. ~ *lực* kilogramme-force.

**ki-lô-héc** kilohertz.

**ki-lô-mét** kilomètre. ~ *hành khách* kilomètre-passager ; *đồng hồ* ~ *giờ* compteur horokilométrique.<sup>19</sup>

**ki-lô-oát** kilowatt. ~ *giờ* kilowattheure.

**ki-lô-vôn** kilovolt.

**ki-ốt** kiosque. ~ *báo* kiosque à journaux.<sup>20</sup>

**ki-uy** kiwi. ~ *cắt lát* kiwi coupé en tranches.

**kí** kilo. *Chị ấy lên được 2* ~ Elle a pris deux kilos ; *Chuối này bán cân* ~ Ces bananes sont vendues au kilo ; *Cô ấy nặng 50* ~ Elle pèse cinquante kilos.<sup>21</sup>

**kí lô** ❶ ⇨ **kí lô**.<sup>22</sup> ❷ poids. *Nó coi lời tôi không ra* ~ *nào hết* Il ne donne aucun pois à mon opinion.

**kí lô cò ram** ☺ kilogramme.

**kí-lô-gam** ⇨ **ki-lô-gam**.

**kí-lô-gam** ⇨ **ki-lô-héc**.

**kí-lô-mét** ⇨ **ki-lô-mét**.

**kí-lô-oát** ⇨ **ki-lô-oát**.

**kí-lô-vôn** ⇨ **ki-lô-vôn**.

**kí ninh** quinine. ~ là một thuốc đặc trị bệnh sốt rét La quinine est un spécifique contre la fièvre.<sup>23</sup>

**kích** cric. ~ có bánh cóc vérin à rochet ; ~ có đầu hình chữ V vérin à tête en V ; ~ có đầu phẳng vérin à tête plate ; ~ đòn bẩy cric à levier ; ~ đỡ vérin de soutien ; ~ đơn giản vérin simple ; ~ lăn cric rouleur ; ~ phụ vérin auxiliaire ; ~ tay quay cric à manivelle ; ~ thủy lực tác dụng kép vérin hydraulique à double effet ; ~ vi sai vérin différentiel.<sup>24</sup>

**kíp**<sub>1</sub> équipe. ~ đêm équipe de nuit ; ~ ngày équipe de jour ; ~ trực chiến équipe de quart.<sup>25</sup>

**kíp**<sub>2</sub> kif / kief / kiff. hút thuốc ~ fumer du kif.

**kíp**<sub>3</sub> ⇨ **kíp lê**.

**kíp**<sub>4</sub> kip. giấy bạc 50.000 ~ billet de 50 000 kip.

**kíp bút** kibboutz.

**kíp-lê** cribler. than ~ charbon criblé.<sup>26</sup>

**ky bút** ⇨ **kíp bút**.

**ký ninh** ⇨ **kí ninh**.<sup>27</sup>

**Kỳ Hòa Ki-Hoa** (Chí Hòa).

## Notes

- <sup>1</sup> Qui – Ka –Át này! **Bảo Ninh (1991:11)**
- <sup>2</sup> Phụ nữ, một số đồng đã võ trang mặc ka-ki. **Nguyễn Tuấn (2006c:326)**
- <sup>3</sup> Hấn đưa tôi vào một hàng “ka ra” (tức karaoke). **Đình Anh Tuấn (2006:163)**
- <sup>4</sup> Cũng có khi hứng khởi bọn chúng rủ nhau đi nhà hàng Ka ra ô kê ở ngoại thành. **Nguyễn Đình Lễ (2006:80)**
- <sup>5</sup> Chỉ nghe bà em nói bố em hy sinh ở trường Ke trên bờ sông, bây giờ là trường Trần Nhật Duật, từ năm 1946. **Tô Hoài (2007n:236)**
- <sup>6</sup> Thế thì hãy thong thả ăn kem đã. **Khái Hưng (2008:168)**
- <sup>7</sup> 250đ của mình Thanh Đính cầm để mua xà phòng và kem đánh răng rồi... **Dương Thị Xuân Quý (2007:144)**
- <sup>8</sup> Vào ken cò nữa đi! **Vũ Trọng Phụng (2006s:610)**
- <sup>9</sup> Vào *ken cò ban* với mỹ nhân cho nó *hoa đào* một thế. **Vũ Trọng Phụng (2006s:15)**
- <sup>10</sup> Nhưng cổ *trạc xếch* lưỡng diện đối với nó lúc này cũng là... ken cò sôi. **Vũ Trọng Phụng (2006c:196)**
- <sup>11</sup> Khi có chế độ quy định sĩ quan được mặc thường phục ngoài giờ hành chính và những ngày nghỉ, anh như mọi anh em khác sắm được một bộ “cánh”, cũng gọi là “kềng”. **Lê Lựu (2006:153)**
- <sup>12</sup> Két nước bằng mắt từ lâu không còn nước trữ, công nhân phải bắc vòi cao su và gánh nước suốt đêm lên. **Tô Hoài (2000:354)**
- <sup>13</sup> Cụ Lê rút ở tù két con thóc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, kí vào một tờ vẽ hoa rêu lằng nhằng và xé đưa cho Dăng. **Nguyễn Tuấn (2006t:288)**
- <sup>14</sup> Của quý mà con gái và con rể đem lại cho ông là một cái kê bi, một cái cát két hai thứ tiện dụng cho cha và anh lúc cây bừa, dung nó che nắng mà không bị lật như đội nón, bốn chiếc bánh tô vàng đã cũ, hai cái sơ mi đàn ông, ba cái cốc sê viền đàng ten, trông cũng hay hay, bà đi Hoét tính không hay đóm dáng, chỉ dẫn vài nước nâu là được một cái vừa làm áo, vừa làm yếm, tiện biết bao! **Ngô Tất Tố (2005:128-129)**
- <sup>15</sup> Quân phục mới, mũ kê-pi bình thiên mới (thay cho chiếc mũ nan bọc lưới) chẳng lẽ lại cài mãi cái quân hiệu, cái huy hiệu Điện Biên hay “Tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên” bong sơn, mờ nhạt. **Lê Bầu (2004:189)**
- <sup>16</sup> Mịch đã choáng mắt lên vì ánh sáng phản chiếu từ những miếng kèn, miếng kính của hơn mười chiếc xe hơi, màu hoa đào của những gối chăn, màu xanh, đỏ, tím, vàng, lòe loẹt của những người đi đón dâu đẹp như tiên nga, màu hơn hờ nghìn tía muôn hồng của những dây hoa xếp quanh cái xe hòe, mà Mịch đã bước lên, ngồi từ Quỳnh Thôn về đến Hà Nội. **Vũ Trọng Phụng (2006s:463-464)**
- <sup>17</sup> Áo khách ma ga đen, miêng túi hàm ếch viền chi trắng, chân giày vải đế kép – hệt như cái bác này. **Tô Hoài (2007m:23)**
- <sup>18</sup> Tấm hình thứ hai cũng của người tài-nhon ấy, trong bộ quan võ ba lon, đầu đội kết đại úy, khuôn mặt đã no lại thêm tròn, cũng là Cô Bảy Phùng-Há. **Vương Hồng Sển (2007:200)**
- <sup>19</sup> Hôm sau, gặp ngày chủ nhật, sáng sớm tôi về Hà-đông thăm mộ nàng, xuống ngã tư Sò còn phải đi vào 3, 4 ki-lô-mét. **Hoàng Ngọc Phách (1988:92)**

<sup>20</sup> Từ xa, anh nhắm đếm những quán ki-ốt ở bên kia đường. **Mai Ngữ (2005:142)**

<sup>21</sup> Đầu mùa người ta dám mua tới bốn năm chục đồng một kí lô, lúc đông ken, sầu riêng chất đầy chợ nên sứt giá song cũng còn bán hai mươi mấy đồng một kí, ruột mình ăn được cân không tới 100 cò-ram, còn hơn 900 cò-ram là vô với hột thì bỏ hết chớ có dung gì đâu. **Hồ Biểu Chánh (2005c:271)**

<sup>22</sup> Đầu mùa người ta dám mua tới bốn năm chục đồng một kí lô, lúc đông ken, sầu riêng chất đầy chợ nên sứt giá song cũng còn bán hai mươi mấy đồng một kí, ruột mình ăn được cân không tới 100 cò-ram, còn hơn 900 cò-ram là vô với hột thì bỏ hết chớ có dung gì đâu. **Hồ Biểu Chánh (2005c:271)**

<sup>23</sup> Mỗi người dân bị chúng ruộng bắt về đồn đập phòng tuyến trước khi được thả về đều được phát cho ba thước vải, một số thuốc ký ninh và hai bao thuốc lá “Gô-loa” cùng một cái giấy lách-xê-pát-xê. **Đoàn Giới (2007:228)**

<sup>24</sup> Chiếc xe của hắn đã bị bọn trộm kích bổng lên. **Thế Dũng (2005:316)**

<sup>25</sup> A, đây là người ta ra hiệu gọi kíp phu đêm dậy mà xuống lò than. **Nguyễn Tuân (2006c:168)**

<sup>26</sup> Lúc nào lượn đường vòng, trông đoàn xe chở than kíp-lê cứ như là muốn đổ lật. **Nguyễn Tuân (2006c:169)**

<sup>27</sup> Kia, cậu không uống viên ký-ninh đi đã. **Lê Văn Trương (2000:16)**